



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bông Bạch Tuyết

Ngày 31/12/2025	12,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.8%	-	6.4%

DT thuần Q4/25
80.3
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/25
3.32
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
2.73
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025

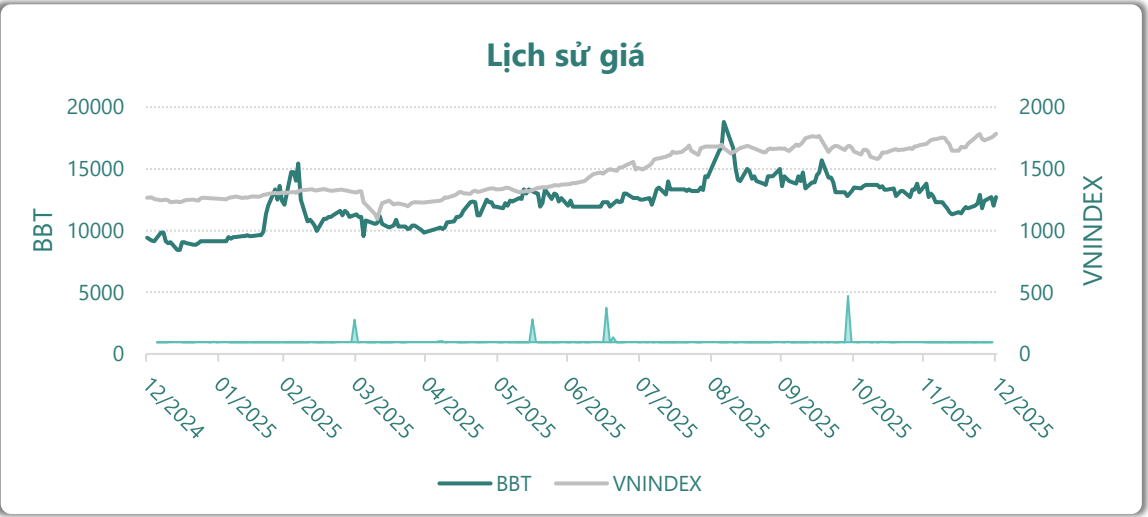
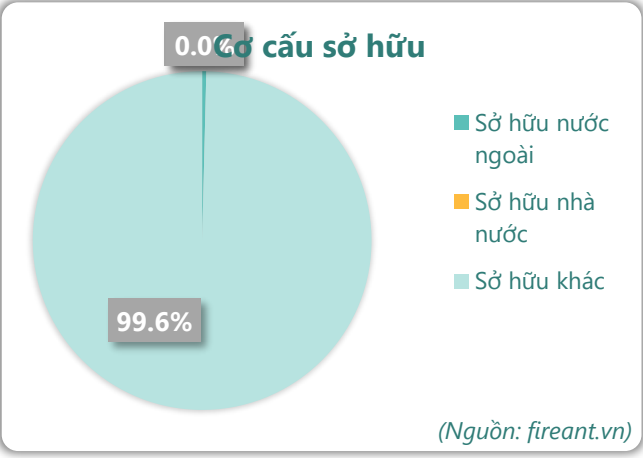
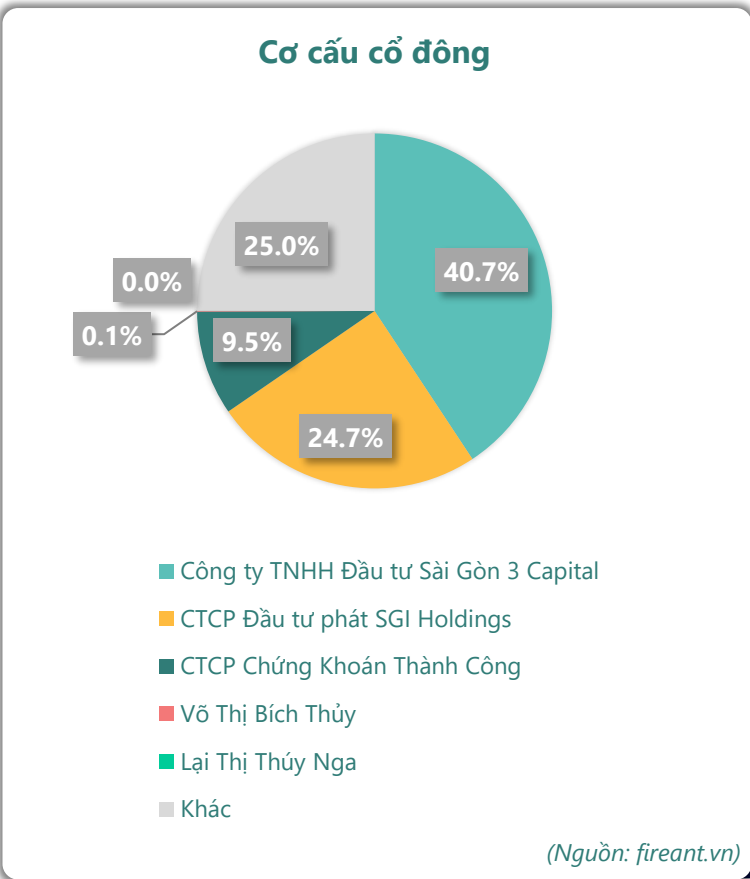
ROE 2025

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,426 - 18,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	249
Số lượng CPLH (CP)	19,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,660
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.40
EPS	
P/E	

DT thuần 2025
tỷ VNĐ

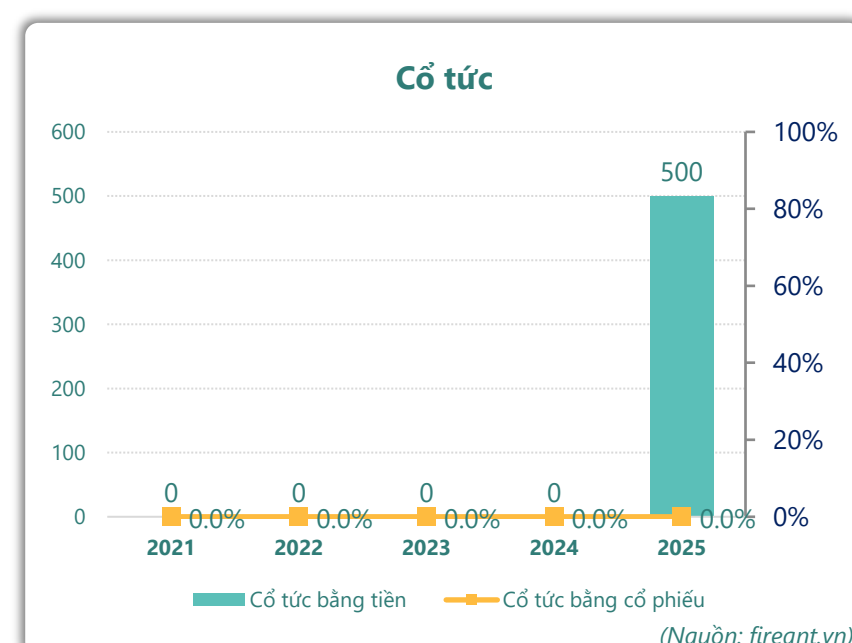
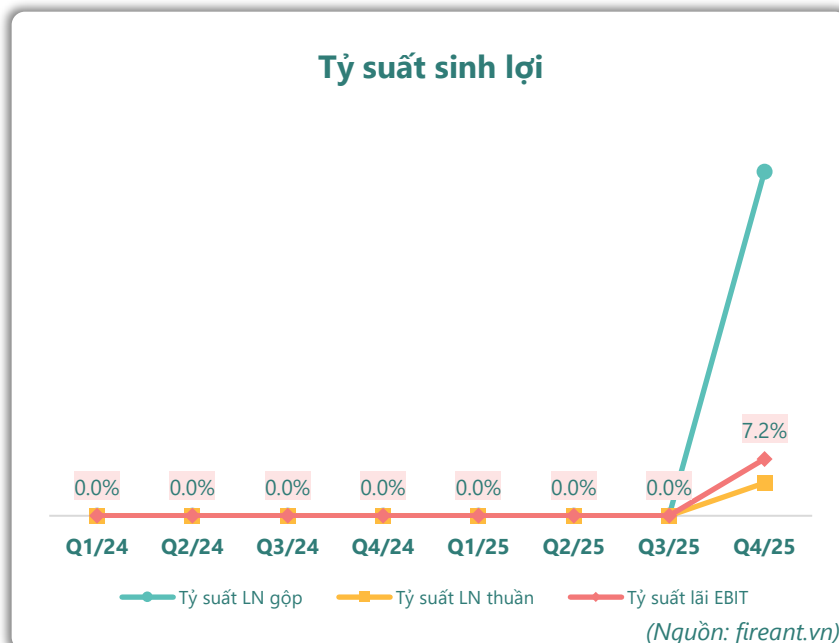
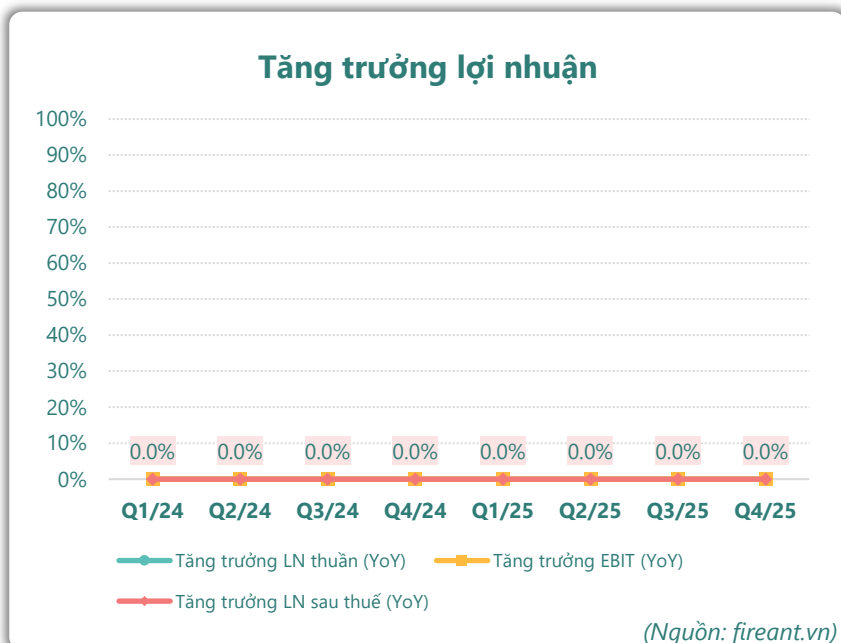
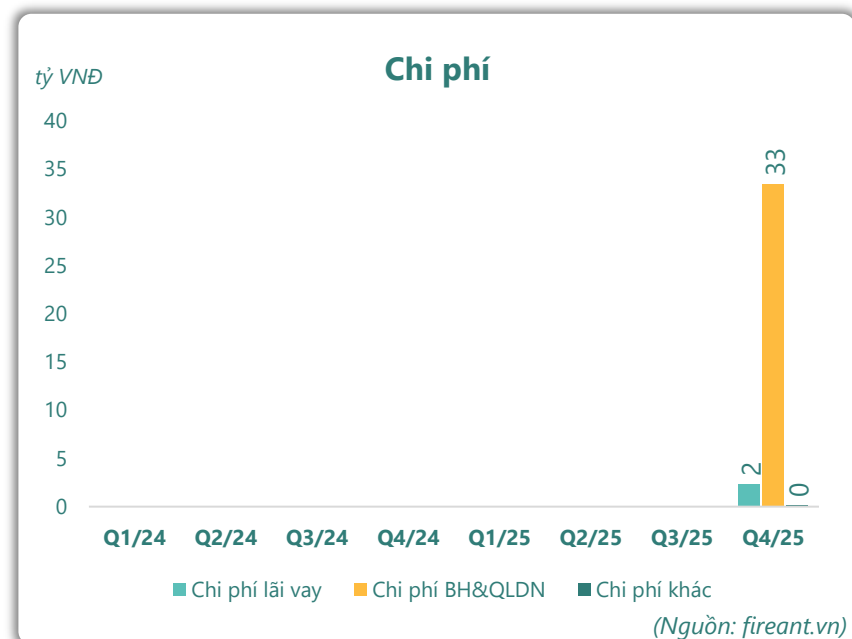
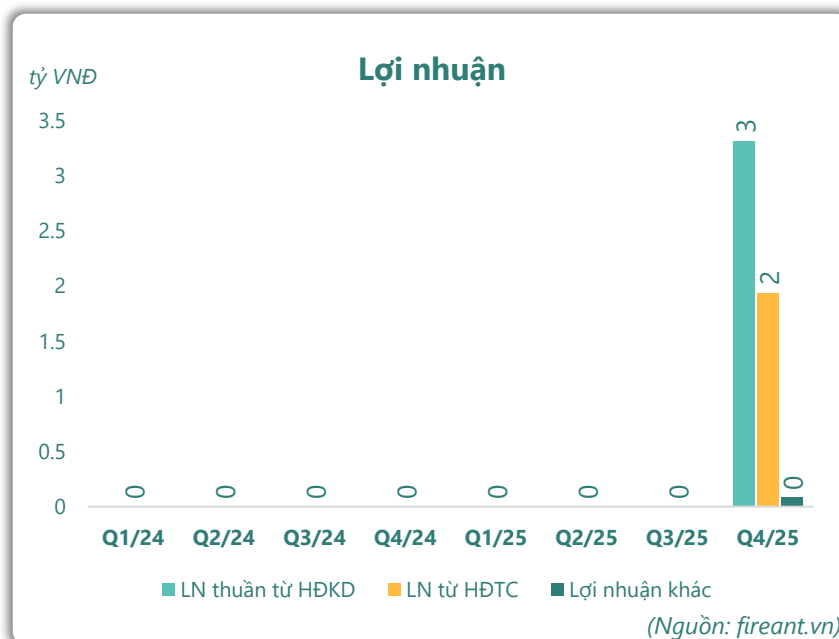
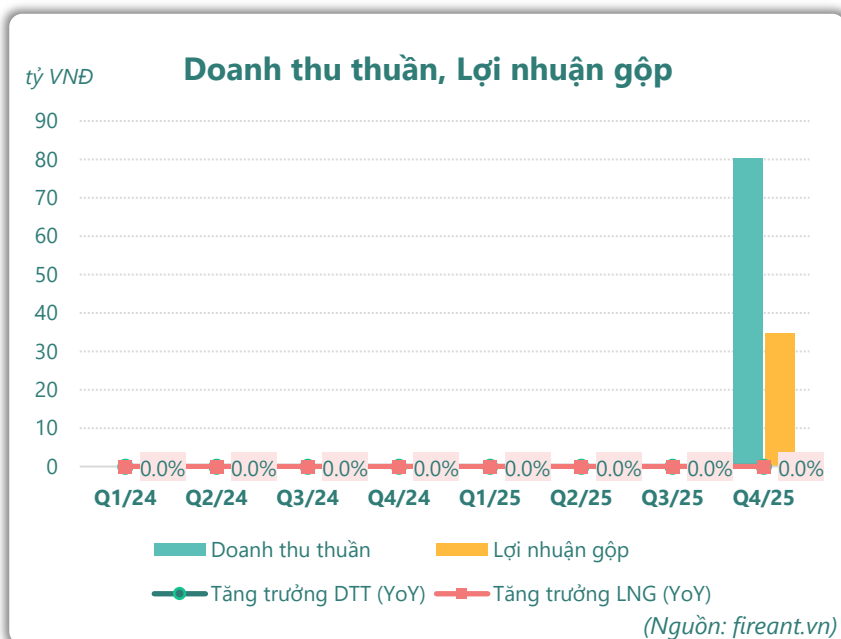
LN thuần 2025
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
tỷ VNĐ





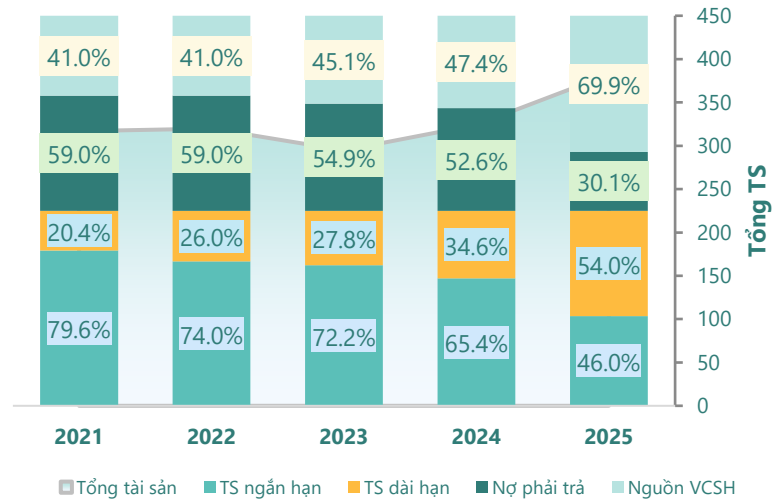
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

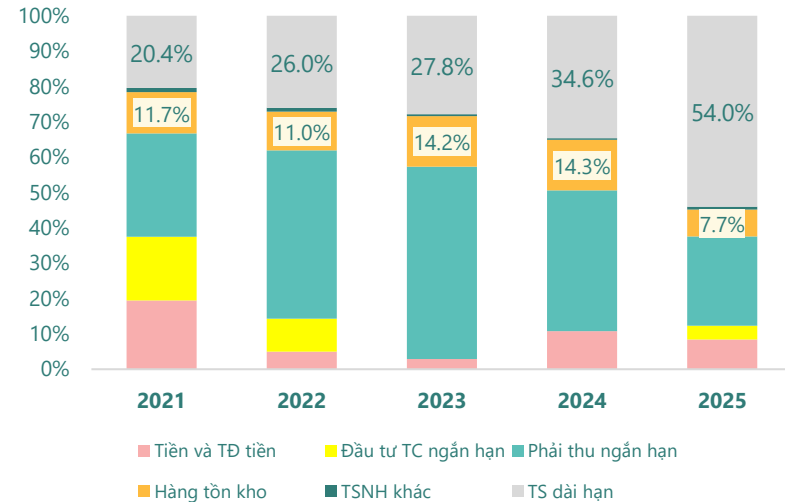
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

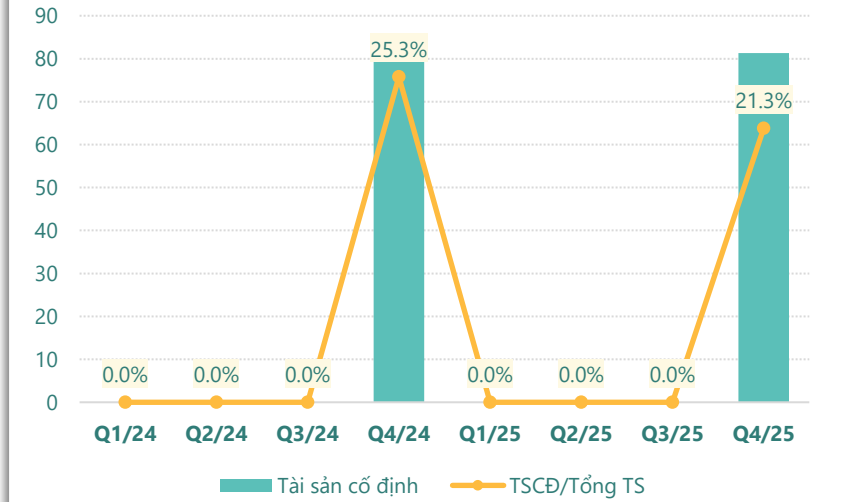
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

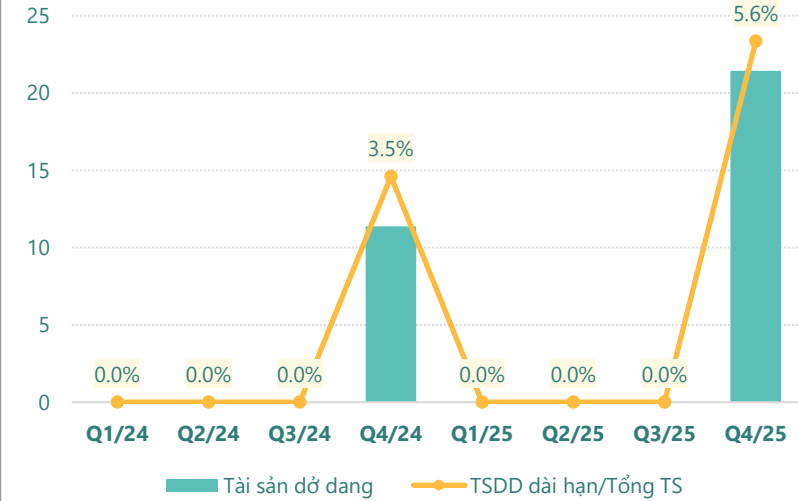
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

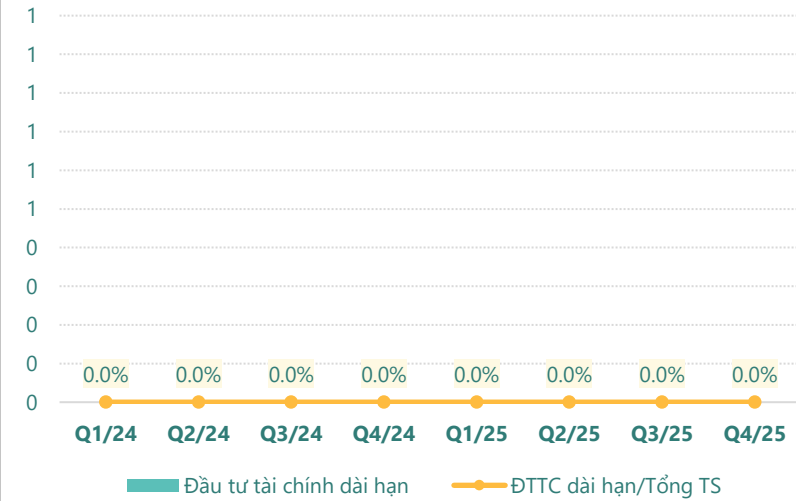
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

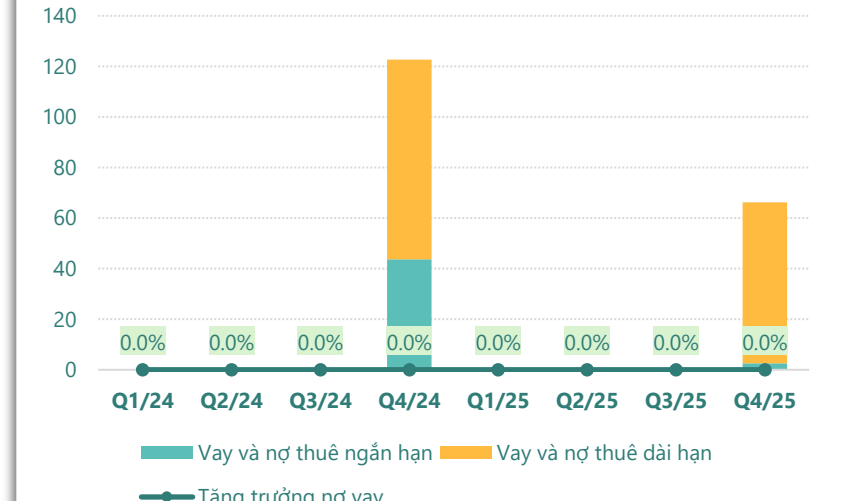
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

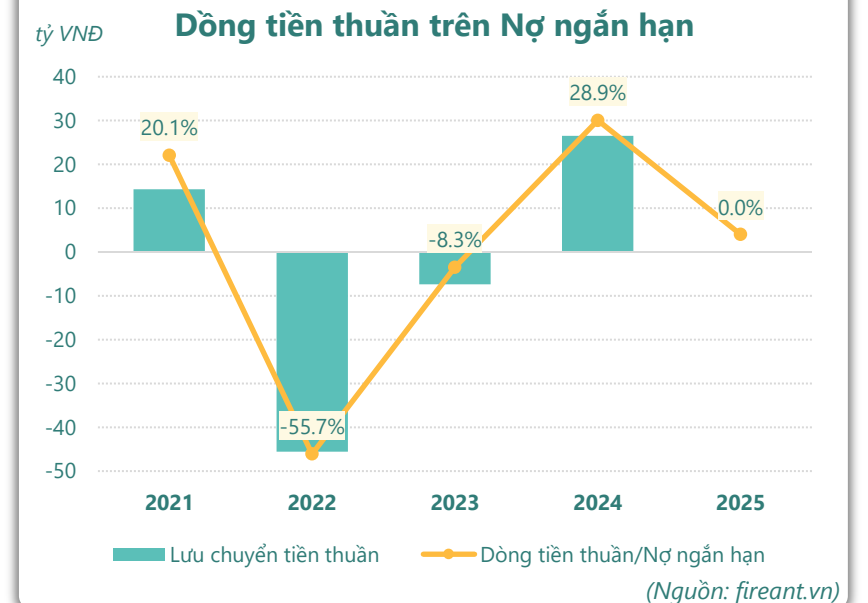
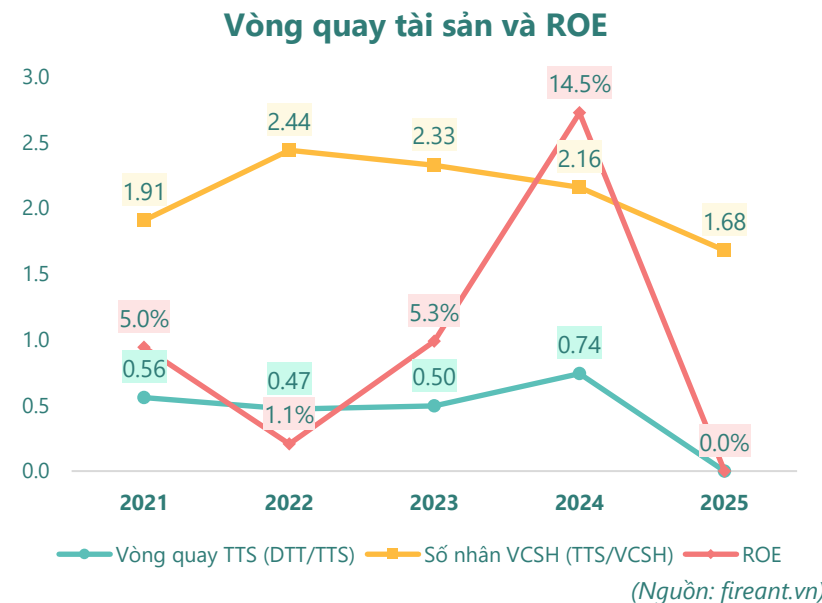
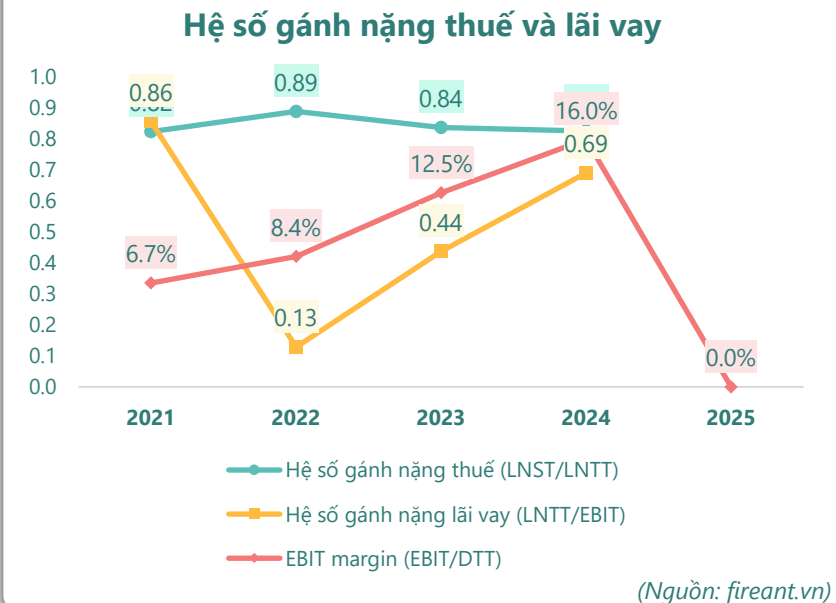
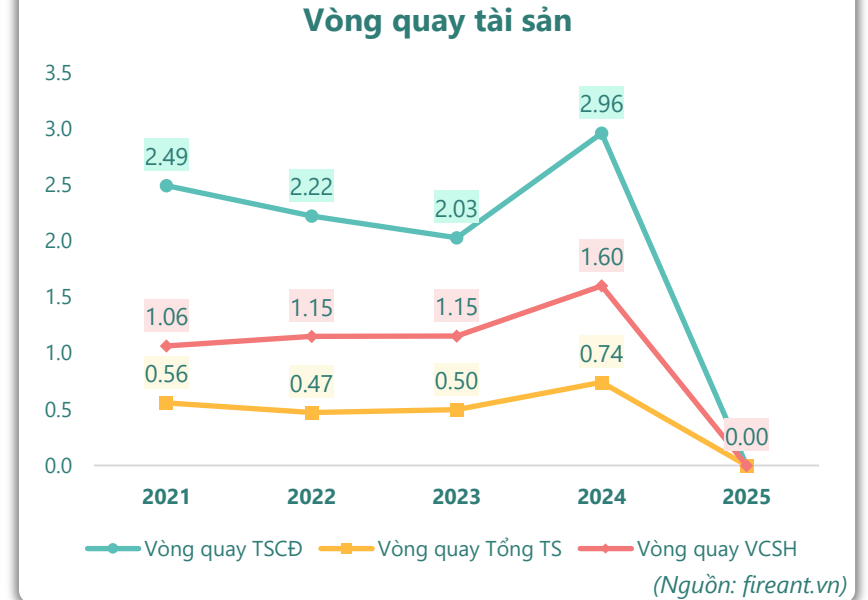
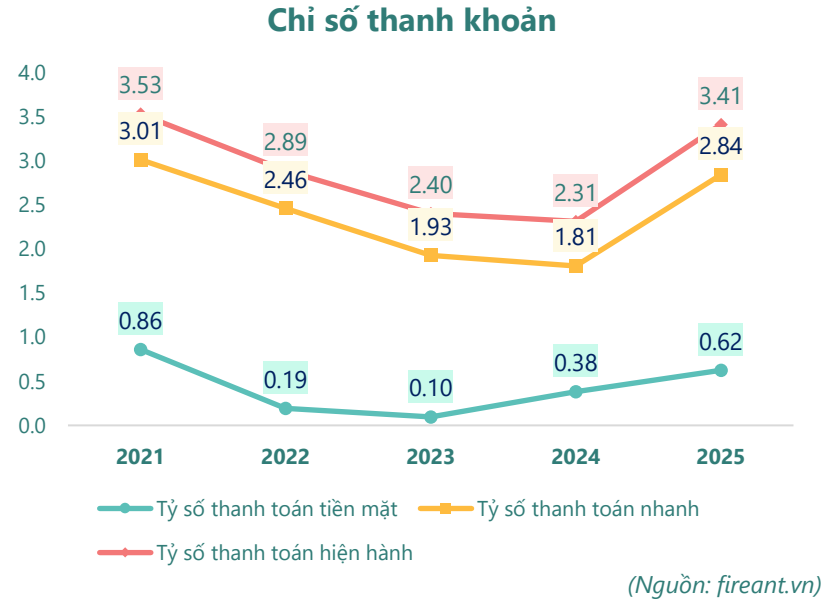
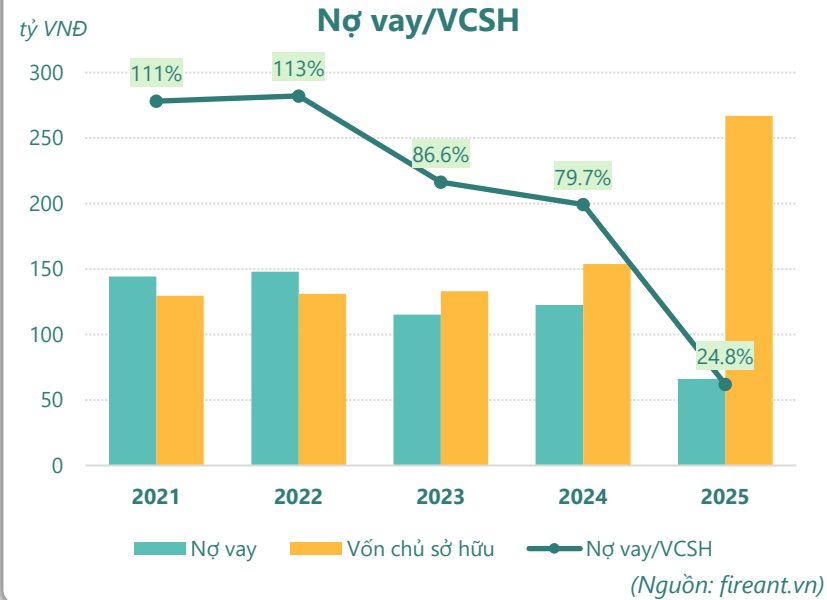
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	80.3				229	
Giá vốn hàng bán	45.5				131	
Lợi nhuận gộp	34.8				98.5	
Doanh thu HĐTC	4.12				13.8	
Chi phí TC	2.18				14.8	
Chi phí lãi vay	2.35				11.4	
LN trong công ty LKLD	0				0	
Chi phí bán hàng	23.9				49.3	
Chi phí QLDN	9.52				28.7	
LN thuần từ HĐKD	3.32				19.6	
Lợi nhuận khác	0.08				5.68	
LN trước thuế	3.40				25.3	
Lợi nhuận sau thuế	2.73				20.8	
LNST của CĐ cty mẹ	2.73				20.8	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	382	324	17.9%
Tài sản ngắn hạn	176	212	-17.0%
Tiền và tương đương tiền	32.1	35.0	-8.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	0	
Phải thu ngắn hạn	96.3	129	-25.4%
Hàng tồn kho	29.3	46.4	-36.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.13	1.43	119%
Tài sản dài hạn	206	112	83.7%
Phải thu dài hạn	99.2	14.2	598%
Tài sản cố định	81.3	81.9	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.4	11.4	88.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.47	4.86	-8.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	115	170	-32.4%
Nợ ngắn hạn	51.6	91.6	-43.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.50	43.7	-94.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	14.3	-8.1%
Nợ dài hạn	63.7	78.9	-19.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	63.7	78.9	-19.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	267	154	73.6%
Vốn chủ sở hữu	267	154	73.6%
Vốn điều lệ	196	98.0	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

